TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123**/2025/DS-ST
Ngày: 09 - 12 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Trần Hoàng Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 231/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V. Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V: Ông V1, Chức vụ: Trưởng Bộ phận xử lý nợ. Địa chỉ: thành phố Cần Thơ. (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông G. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

2.2. Bà H. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2025 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng V (do ông V1 là người đại diện hợp pháp) trình bày:* Ông G và bà H có vay vốn của Ngân hàng V số tiền 425.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2312261364282 ký ngày 05/02/2024; nội dung cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN2312261364282: Số tiền vay: 547.000.000 đồng; Lãi suất/năm: Thả nổi; Thời hạn vay: 96 tháng từ ngày 05/02/2024 đến ngày

05/02/2032; Mục đích vay: Mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, Navara EL, 2.3L, AT, 4x2, Động cơ dầu sản xuất mới 100%.

- Hợp đồng tín dụng số LD2434801012: Số tiền vay: 45.000.000 đồng; Lãi suất/năm: Thỏa thuận; Thời hạn vay: Từ ngày 13/12/2024 đến ngày 15/11/2027; Mục đích vay: Tiêu dùng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông G và bà H và Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2312261364282 ký ngày 05/01/2024 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05/01/2024 với tài sản cụ thể là: Xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, Navara EL, 2.3L, AT, 4x2, Động cơ dầu, Biển số đăng ký 83C-108.62, có số khung MNTCBAD23Z0003877, số máy YS23473409A.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông G và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 10/4/2025, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông G và bà H sang nợ quá hạn và yêu cầu ông G và bà H thanh toán toàn bộ khoản nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng vay.

Tính đến ngày 19/7/2025, ông G và bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 76.890.664 đồng, nợ lãi là 60.650.468 đồng, tổng cộng là 137.541.132 đồng và còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN2312261364282: Nợ gốc là 472.926.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 19.547.608 đồng; Nợ lãi quá hạn là 9.773.804 đồng; Tổng là 502.247.412 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD2434801012: Nợ gốc là 42.183.336 đồng; Nợ lãi trong hạn là 2.553.498 đồng; Nợ lãi quá hạn là 1.276.749 đồng; Tổng là 46.013.583 đồng.

Tổng cộng: Nợ gốc là 515.109.336 đồng; Nợ lãi trong hạn là 22.101.106 đồng; Nợ lãi quá hạn là 11.050.553 đồng; Tổng là 548.260.995 đồng.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2025, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G và bà H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/7/2025 là 548.260.995 đồng gồm nợ gốc là 515.109.336 đồng, nợ lãi là 33.151.659 đồng; kể từ ngày 20/7/2025 trở đi, ông G và bà H còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông G và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: LN2312261364282 ký ngày 05/01/2024 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05/01/2024 cho đến khi ông G và bà H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 04/12/2025, ông V1 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G và bà H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/12/2025 là 579.052.183 đồng gồm nợ gốc là 515.109.336 đồng, nợ lãi là 63.942.847 đồng; kể từ ngày 10/12/2025 trở đi, ông G và bà H còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán

xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông G và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: LN2312261364282 ký ngày 05/01/2024 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05/01/2024 cho đến khi ông G và bà H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

** Các bị đơn ông G và bà H:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông G và bà H nhưng ông G và bà H không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V1 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng vắng mặt nhưng tại bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 04/12/2025 thì ông V1 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G và bà H trả nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết; yêu cầu trong trường hợp ông G và bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông G và bà H là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3] Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2025, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G và bà H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/7/2025 là 548.260.995 đồng gồm nợ gốc là 515.109.336 đồng, nợ lãi là

33.151.659 đồng; kể từ ngày 20/7/2025 trở đi, ông G và bà H còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng… Tuy nhiên, tại bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 04/12/2025, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G và bà H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/12/2025 là 579.052.183 đồng gồm nợ gốc là 515.109.336 đồng, nợ lãi là 63.942.847 đồng; kể từ ngày 10/12/2025 trở đi, ông G và bà H còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng... Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng chỉ nhằm xác định chính xác nợ lãi phát sinh tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm trên cơ sở nợ gốc là 515.109.336 đồng ban đầu mà Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G và bà H trả cho Ngân hàng theo nội dung đơn khởi kiện, không phải là đưa ra yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay nào khác nên không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V1 vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt, ông G và bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về hợp đồng tín dụng, thấy rằng: Ngân hàng với ông G đã thỏa thuận, ký kết với nhau Hợp đồng cho vay số LN2312261364282 ngày 05/01/2024, với nội dung Ngân hàng cho ông G vay số tiền là 547.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 96 tháng, lãi suất cho vay thả nổi, mục đích vay là thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, Navara EL, 2.3L, AT, 4x2, động cơ dầu… và Hợp đồng cho vay số LD2434801012 ngày 13/12/2024, với nội dung Ngân hàng cho ông G vay số tiền là 45.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi suất cho vay thả nổi, mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống...; các hợp đồng này được các bên ký kết theo đúng quy định và Ngân hàng đã giải ngân số tiền vốn vay cho ông G nhận; tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/12/2025 thì ông G còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 579.052.183 đồng gồm nợ gốc là 515.109.336 đồng, nợ lãi là 63.942.847 đồng. Các hợp đồng nêu trên được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự là hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118 Bộ luật Dân sự năm 2015, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; các hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do ông G vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo thỏa thuận trong các hợp đồng nêu trên nên Ngân hàng yêu cầu ông G trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ và số tiền lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông G phải có nghĩa

vụ trả cho Ngân hàng với tổng số tiền nợ vay là 579.052.183 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm trả nợ: Tại thời điểm ông G vay tiền của Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông G và bà H là vợ chồng (có đăng ký kết hôn), bà H biết rõ việc ông G vay tiền của Ngân hàng và cũng có ký giấy đề nghị vay vốn và hợp đồng thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN nêu trên cho Ngân hàng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung các hợp đồng tín dụng nêu trên. Từ đó, có đủ cơ sở xác định nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng vay tài sản là nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung) của ông G và bà H theo quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, bà H phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông G trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ vay là 579.052.183 đồng nêu trên.

[7] Kể từ ngày 10/12/2025 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông G và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông G và bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019).

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp, thấy rằng: Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng với ông G và bà H đã thỏa thuận, ký kết với nhau Hợp đồng thế chấp số LN2312261364282 ngày 05/01/2024; hợp đồng này được các bên ký kết và đăng ký thế chấp theo đúng quy định, trong đó tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN nêu trên, tại thời điểm thế chấp chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký, hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký số 83000209 do Công an huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/02/2024, xe có biển số 83C-108.62; hình thức, nội dung của hợp đồng thế chấp, trình tự, thủ tục thế chấp, đăng ký thế chấp... được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 292, 293, 295, 296, 298, 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 167, 168, 188 Luật Đất đai năm 2013. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông G và bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng, là có căn cứ để chấp nhận.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông G và bà H phải cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ vay là 579.052.183 đồng; trong trường hợp ông G và bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN nêu trên.

[10] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm; ông G và bà H phải cùng chịu án phí sơ thẩm là 20.000.000 đồng + (179.052.183 đồng x 4%) = 27.162.087 đồng tương ứng trên số tiền nợ vay bị Tòa án buộc thanh toán cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119, 288, 292, 293, 295, 296, 298, 299, 301, 317, 318, 319, 320, 323, 398, 401, 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 103, Điều 210 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung các năm 2024, 2025); điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc yêu cầu ông G và bà H trả số tiền nợ vay.

Buộc ông G và bà H phải cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V số tiền vay còn nợ đến ngày 09/12/2025 là 579.052.183 đồng (*Năm trăm bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi hai nghìn một trăm tám mươi ba đồng*), gồm nợ gốc là 515.109.336 đồng, nợ lãi là 63.942.847 đồng.

Kể từ ngày 10/12/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông G và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà ông G và bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về xử lý tài sản thế chấp.

Khi án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông G và bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng thế chấp số LN2312261364282 ngày 05/01/2024.

Tài sản thế chấp là Chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, Navara EL, 2.3L, AT, 4x2, động cơ dầu, số khung MNTCBAD23Z0003877, số máy YS23473409A, biển số đăng ký 83C-108.62, theo giấy chứng nhận đăng ký số 83000209 do Công an huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/02/2024.

Trong trường hợp tài sản thế chấp nêu trên bị xử lý thì ông G và bà H phải cùng có nghĩa vụ giao tài sản cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng V.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng V không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng V đã nộp (do ông Lâm Quốc Hưng là người nộp thay) là 12.966.000 đồng (*Mười hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001651, ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Ông G và bà H phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 27.162.087 đồng (*Hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V, ông G và bà H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND KV10-CT (01);
- THADS thành phố Cần Thơ (01);
- TAND thành phố Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt